TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2023/HC-PT
Ngày: 15 - 8 - 2023
V/v "Khiếu kiện hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: ông Trương Công Thi

ông Phạm Ngọc Thái

- *Thư ký phiên tòa*: ông Nguyễn Thế Trường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* ông Nguyễn Xuân Thanh - *Kiểm sát viên.*

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại điểm cầu Trung tâm: trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần: Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hành chính thụ lý số 96/2022/TLPT-HC ngày 19 tháng 5 năm 2022 về "Yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2023/HC-ST ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2616/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962; địa chỉ: tổ C, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên toà.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C: ông Lê Hồng S; địa chỉ: số E đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên toà.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Viết H, chức vụ - Phó Chủ tịch, có mặt tại phiên toà.

2.2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T; địa chỉ: A N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Văn T, chức vụ - Phó Giám đốc, có mặt tại phiên toà.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: B T, phưởng X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Hồ Lâm P, chức vụ - Phó phòng Tài nguyên và Môi trường, vắng mặt.

3.2. ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1961; địa chỉ: tổ dân phố A, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên toà.

3.3. ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1954; địa chỉ: C V, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

3.4. ông Nguyễn Văn H1; địa chỉ: E H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên toà.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H1: ông Nguyễn Sơn H2; địa chỉ: C T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế và bà Nguyễn Thị S1; địa chỉ: E Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, bà S1 có mặt tại phiên toà.

3.5. ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1956; địa chỉ: B V, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

3.6. ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1958; trú tại: A H, C, V, Hoa Kỳ, vắng mặt.

3.7. bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1967; trú tại: A N, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

3.8. ông Lê Viết Đ, sinh năm 1961 và bà Lê Thị Kim T3, sinh năm 1966; địa chỉ: C V, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, ông Đ có mặt.

3.9. ông Lê Viết T4, sinh năm 1970 và bà Võ Thị B, sinh năm 1974; địa chỉ: C V, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên toà.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đ, bà B: ông Lê Trung T5; địa chỉ: F T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên toà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị B, bà Lê Thị Kim T3: Luật sư Võ Thị Tuệ M, Công ty L; địa chỉ: B L, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên toà.

3.10. ông Tống Phước Q1 và bà Hoàng Thị H3; địa chỉ: E N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, ông Q1 có mặt tại phiên toà.

Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn Q; ông Lê Viết Đ và bà Lê Thị Kim T3; ông Lê Viết T4 và bà Võ Thị B; ông Tống Phước Q1 và bà Hoàng Thị H3.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của người khởi kiện thể hiện:

Nguồn gốc thửa đất số 12/1, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.328m^2 tọa lạc tại thôn A, xã H, thị xã H (nay là phường H, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế là của bố mẹ ông C - cụ Nguyễn Văn P1 (chết 1997), cụ Lê Thị G (chết 2021) tạo lập. Bố mẹ ông có 08 người con gồm các ông, bà: Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn N1 (đã chết) và Nguyễn Thị Thanh N.

Năm 1997cụ Nguyễn Văn P1 chết không để lại di chúc. cụ Lê Thị G đăng ký kê khai và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với thửa đất trên cho cụ mà không có đầy đủ ý kiến của các đồng thừa kế. Ngày 07/7/2008 Uỷ ban nhân dân (UBND) thị xã H đã cấp GCNQSDĐ số AE 003195 cho cụ Lê Thị G mà các anh chị em ông hoàn toàn không ai biết. Tại Thông báo kết luận thẩm tra của Chủ tịch UBND thị xã H số 2940/TB-UBND ngày 07/9/2020 và Kết luận Thanh Tra thị xã H số 195/KL-TT ngày 04/9/2020 đã xác định: GCNQSDĐ được UBND thị xã H cấp ngày 07/7/2008 cho cụ Lê Thị G là không bảo đảm quy định pháp luật, do không lập thủ tục phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Văn P1 và công nhận diện tích đất ở là không đúng.

Sau này do làm ăn thua lỗ, vợ chồng ông Nguyễn Văn Q (anh trai ông) đã mượn GCNQSDĐ của mẹ ông để thế chấp Ngân hàng vay vốn và không trả được nợ. Ngày 04/4/2020 mẹ ông cùng 07 anh chị em trong gia đình thỏa thuận lập cam kết chia phần cho vợ chồng ông Q 300m^2 đất để chuyển nhượng lấy tiền trả Ngân hàng. Phần đất còn lại 1.089m^2 thuộc đất nhà thờ không ai được quyền mua bán hoặc tặng cho, với mục đích là giữ nguyên thửa đất của bố mẹ để làm nhà thờ tổ tiên.

Tháng 8 năm 2019 cụ Lê Thị G làm thủ tục tặng cho ông Nguyễn Văn Q toàn bộ thửa đất trên. Ngày 10/8/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 381090 cho ông Nguyễn Văn Q đối với thửa đất trên (tại thời điểm cấp GCNQSDĐ đã được điều chỉnh là thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.135,6m^2).

Sau đó, ông Q tự ý tách thửa đất trên thành 03 thửa:

- Thửa số 134, tờ bản đồ số 20, diện tích 400,1m^2 được ông Q chuyển nhượng cho các ông bà Lê Viết T4, Võ Thị B; Lê Viết Đ, Võ Thị Kim T6. Thửa đất này được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp 02 GCNQSDĐ cho các đồng sử dụng: GCNQSDĐ số CY 890607 ngày 29/7/2021 đứng tên ông Lê Viết T4, bà Võ Thị B và GCNQSDĐ số CY 890608 ngày 29/7/2021 đứng tên ông Lê Viết Đ và bà Lê Thị Kim T3.

- Thửa số 135, tờ bản đồ số 20, diện tích 168,5m^2 được ông Q chuyển nhượng cho ông bà Tống Phước Q1, Hoàng Thị H3 vào ngày 26/8/2021. ông Q1, bà H3 đang tiến hành làm thủ tục đăng ký biến động tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất

đai thành phố H thì bị tạm dừng do ông đang có đơn khởi kiện vụ án hành chính liên quan đến thửa đất trên.

- Thửa số 136, tờ bản đồ số 20, diện tích 567m^2 hiện ông Q đang sử dụng.

cụ Lê Thị G chết ngày 27/6/2021. ông C cho rằng việc UBND thị xã H tiến hành thủ tục cấp GCNQSDĐ cho cụ Lê Thị G; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn Q và vợ chồng ông Lê Viết T4, Lê Viết Đ là trái pháp luật. Do đó, ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định, gồm:

- GCNQSDĐ số AE 003195 ngày 07/7/2008 do UBND thị xã H cấp cho bà Lê Thị G;

- GCNQSDĐ số CL 381090 ngày 10/8/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn Q;

- GCNQSDĐ số CY 890610 ngày 29/7/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn Q;

- GCNQSDĐ số CY 890607 ngày 29/7/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Lê Viết T4, bà Võ Thị B và GCNQSDĐ số CY 890608 ngày 29/7/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Lê Viết Đ, bà Lê Thị Kim T3.

- GCNQSDĐ số CY 890609 ngày 29/7/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn Q.

Ngoài ra, vào ngày 01/6/2022 ông Nguyễn Văn C có "Tờ trình" yêu cầu gia đình ông Lê Viết Đ xây lại tường thành và bồi thường tài sản là cây ăn quả, cây lưu niên trên thửa đất 134 mà ông Đ đã chặt phá sau khi nhận chuyển nhượng đất từ ông Q.

2. Theo văn bản ý kiến và trình bày của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế:

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: thửa đất số 12/1, tờ bản đồ số 02, diện tích 1328 m^2 tọa lạc tại thôn A, xã H có nguồn gốc do vợ chồng ông Nguyễn Văn P1, bà Lê Thị G nhận chuyển nhượng của ông Tôn Thất T7 vào ngày 05/9/1973. Sau khi ông Nguyễn Văn P1 chết, bà Lê Thị G tiếp tục sử dụng đất cho đến tháng 6/2006 thì bà G lập hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên và được UBND xã H xác nhận tình trạng thửa đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. Trên cơ sở đó, ngày 07/7/2008 bà Lê Thị G được UBND huyện (nay là thị xã) Hương Trà cấp GCNQSDĐ số AE 003195 đối với thửa đất số 12/1, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.328m^2 tọa lạc tại thôn A, xã H; hình thức sử dụng: sử dụng riêng 1.328m^2; mục đích sử dụng đất: đất ở tại nông thôn (ONT) 400m^2, đất vườn 928m^2.

Hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của bà Lê Thị G có một trong các giấy tờ về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai 2003 được sửa, đổi bổ sung năm 2009, 2010. Tại thời điểm lập hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất năm 2006, bà Lê Thị G chỉ đứng tên một mình, chưa lập thủ tục phân chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn P1 nhưng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện

vẫn trình hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ cho bà Lê Thị G là không đảm bảo quy định của pháp luật. Ngoài ra, việc cấp GCNQSDĐ số AE 003195 ngày 07/7/2008 cho bà Lê Thị G, trong đó công nhận diện tích đất ở tại nông thôn (ONT) 400m^2 là không đúng với giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1, 2 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và quy định ban hành kèm theo Quyết định số 3626/2005/QĐ-UBND ngày 20/10/2005 của UBND tỉnh về ban hành quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tuy nhiên, ngày 13/8/2019 bà Lê Thị G tặng cho ông Nguyễn Văn Q quyền sử dụng đối với thửa đất trên. Theo quy định tại khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ "*... Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai nếu người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật...*".

Do vậy, UBND thị xã H không thể thu hồi GCNQSDĐ số AE 003195 đã được cấp cho bà Lê Thị G. UBND thị xã H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

3. Theo văn bản ý kiến và trình bày của người bị kiện là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T:

bà Lê Thị G được UBND huyện (nay là thị xã) Hương Trà cấp GCNQSDĐ số AE 003195 đối với thửa đất số 12/1, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.328m^2, mục đích sử dụng đất 400m^2 đất ở tại nông thôn và 928m^2 đất vườn.

Ngày 25/02/2010 UBND thị xã H điều chỉnh mục đích sử dụng đất: 1.212m^2 đất ở nông thôn, 116m^2 đất trồng cây lâu năm khác. Sau đó, bà Lê Thị G tặng quyền sử dụng thửa đất số 12/1, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.328m^2 cho ông Nguyễn Văn Q theo Hợp đồng tặng cho số 5869 được Văn phòng C1 chứng thực ngày 07/8/2019.

Ngày 08/8/2019 ông Nguyễn Văn Q có Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất. Ngày 13/8/2019 Chi Cục thuế khu vực H5 có Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân chuyển nhượng bất động sản với số tiền phải nộp là 0 đồng.

Ngày 13/8/2019 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H xác nhận chủ sử dụng đất kế tiếp là ông Nguyễn Văn Q.

Ngày 20/7/2020 ông Nguyễn Văn Q ký Đơn đề nghị cấp đổi GCNQSDĐ.

Ngày 10/8/2020 ông Nguyễn Văn Q được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp GCNQSDĐ số CL 381090 đối với thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20 cho ông Nguyễn Văn Q diện tích 1.135,6m^2.

Ngày 25/8/2020 ông Nguyễn Văn Q ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 134 (trích ra từ thửa đất số 34), tờ bản đồ số 20, diện tích 400,1m^2,

mục đích sử dụng đất ở tại đô thị cho các ông, bà Lê Viết Đ, Lê Thị Kim T3; Lê Viết T4, Võ Thị B.

Trong quá trình giải quyết hồ sơ, ngày 08/9/2020 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn C liên quan đến hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Q. Ngày 16/9/2020 Nguyễn Văn C có đơn rút lại hồ sơ khiếu nại, trong đó có nêu: "đồng ý cho anh tôi là Nguyễn Văn Q bán 400,1m^2".

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn T2 có đơn đề nghị hủy GCNQSDĐ của bà Lê Thị G, cấp lại tài sản đồng thừa kế để làm nhà thờ. Ngày 29/12/2020 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H có Công văn số 2630/CNVPĐK trả lời đơn và hướng dẫn ông T2 cung cấp Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển dịch quyền về tài sản, cấm thay đổi hiện trạng tài sản; tuy nhiên, ông T2 không cung cấp văn bản nêu trên.

Sau khi ông Q và vợ chồng các ông Lê Viết Đ, Lê Viết T4 hoàn thành nghĩa vụ tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp GCNQSDĐ số CY 890609, thửa đất số 135, tờ bản đồ số 20, diện tích 168,5m^2 và GCNQSDĐ số CY 890610, thửa đất số 136, tờ bản đồ số 20, diện tích 567m^2 cho ông Nguyễn Văn Q; cấp GCNQSDĐ số CY 890607, số CY 890608, thửa đất số 134, tờ bản đồ số 20, diện tích 400,1m^2 cho ông, bà Lê Viết T4 - Võ Thị B và ông, bà Lê Viết Đ - Lê Thị Kim T3.

Theo quy định tại Điều 105 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 37 về thẩm quyền cấp GCNQSDĐ. Điều 76 về cấp đổi GCNQSDĐ. Điều 75 về trình tự, thủ tục thực hiện tách thửa và Điều 79 về trình tự, thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Khoản 1, 2 Điều 9 Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T8 quy định về hồ sơ địa chính, được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 và Điều 10 Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T8 thì việc Sở T cấp đổi GCNQSDĐ số CL 381090 ngày 10/8/2020; GCNQSDĐ số CY 890609, số CY 890610 ngày 29/7/2021 cho ông Nguyễn Văn Q; GCNQSDĐsố CY 890607, số CY 890608 cho ông, bà Lê Viết T4 - Võ Thị B và ông, bà Lê Viết Đ - Lê Thị Kim T3 là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND thành phố H có văn bản trình bày:

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H1 trình bày:

Đồng ý với ý kiến của người khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên hủy các GCNQSDĐ mà UBND thị xã H và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T đã cấp liên quan đến thửa đất của bố mẹ ông.

6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Ngày 07/8/2019 mẹ ông là cụ Lê Thị G lập Hợp đồng tặng cho ông quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 12/1, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.328m^2 tọa lạc tại thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cũng thời gian này, ông và em gái là bà Nguyễn Thị Thanh N kinh doanh thua lỗ, nợ nần nên các anh em trong gia đình ông đã thống nhất để ông thế chấp quyền sử dụng đất trên cho Ngân hàng cầm cố để ông vay tiền xử lý nợ. Đến hạn thanh toán tiền vay Ngân hàng ông cũng không có khả năng chi trả.

Năm 2020 các anh em là Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Thanh N đều đồng ý chuyển nhượng trong nội bộ gia đình nhưng không có ai đứng ra để nhận chuyển nhượng đất để trả nợ Ngân hàng. Buộc lòng ông phải tách thửa đất trên thành 03 thửa: thửa số 134, tờ bản đồ số 20, diện tích 400,1m^2; thửa số 135, tờ bản đồ số 20, diện tích 168,5m^2; thửa số 136, tờ bản đồ số 20, diện tích 567m^2. Thửa số 134 ông chuyển nhượng cho ông Lê Viết Đ và bà Lê Thị Kim T3; ông Lê Viết T4 và bà Võ Thị B để lấy tiền trả nợ cho Ngân hàng. ông Nguyễn Văn C viết đơn khiếu nại việc ông chuyển nhượng đất, nhưng đến ngày 16/9/2020 chính ông C cũng đã rút đơn khiếu nại nên phía cơ quan chức năng mới cấp GCNQSDĐ cho ông và những người nhận chuyển nhượng đất.

Ngày 26/8/2021 ông chuyển nhượng thửa đất số 135 cho ông Tống Phước Q1 và bà Hoàng Thị H3 lấy tiền trả nợ thì ông C lại tiếp tục khiếu kiện, nên hồ sơ đăng ký biến động của ông Q1, bà H3 cũng bị tạm dừng.

Thửa đất còn lại là thửa số 136, diện tích 567m^2 ông đã đồng ý là đất chung của các anh em, làm nơi thờ tự.

Như vậy, thửa đất trên theo ý nguyện của mẹ ông đã tặng cho ông và được các cơ quan có thẩm quyền cấp các GCNQSDĐ là đúng quy định của pháp luật. Nên ông đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

7. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T1 trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, các ông K, T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các ông.

8. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà Lê Viết T4, Võ Thị B; Lê Viết Đ, Lê Thị Kim T3 trình bày:

Thửa số 134, tờ bản đồ số 20, diện tích 400,1m^2 được ông Nguyễn Văn Q chuyển nhượng cho các ông bà Lê Viết T4, Võ Thị B; Lê Viết Đ, Võ Thị Kim T6 vào ngày 25/08/2021 và được Phòng C2 chứng thực. Sau đó các ông bà đã nộp hồ sơ đăng ký biến động đối với thửa đất nói trên, nộp đầy đủ các khoản thuế phí theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 29/7/2021 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T đã cấp 02 GCNQSDĐ cho các đồng sử dụng: GCNQSDĐ số CY 890607 ngày 29/7/2021 đứng tên ông Lê Viết T4, bà Võ Thị B và GCNQSDĐ số CY 890608 ngày 29/7/2021 đứng tên ông Lê Viết Đ, bà Lê Thị Kim T3.

Hiện nay các ông, bà là chủ sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất 134. Giữa các ông, bà và ông Nguyễn Văn C không hề có bất cứ giao dịch gì với nhau. Vì vậy, các ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện hủy GCNQSDĐ của ông Nguyễn Văn C liên quan đến GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 890607 ngày 29/7/2021 đứng tên ông Lê Viết T4, bà Võ Thị B và GCNQSDĐ số CY 890608 ngày 29/7/2021 đứng tên ông Lê Viết Đ, bà Lê Thị Kim T3.

9. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông, bà Tống Phước Q1, Hoàng Thị H3 trình bày:

Thửa số 135, tờ bản đồ số 20, diện tích 168,5m^2 được ông Nguyễn Văn Q chuyển nhượng cho vợ chồng ông vào ngày 26/08/2021 và được Phòng C3 chứng thực. Sau đó, ông bà đã nộp hồ sơ đăng ký biến động đối với thửa đất nói trên, nộp đầy đủ các khoản thuế phí theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng hiện nay ông bà chưa thể tiến hành thủ tục đăng ký biến động được do ông C đang khởi kiện tại Tòa án. ông bà nhận chuyển nhượng thửa đất trên là ngay tình, đề nghị Tòa án bảo vệ quyền lợi của ông bà và bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

10. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị B và ông Tống Phước Q1 là ông Quý H4 trình bày:

Thống nhất với ý kiến của bà Võ Thị B và ông Tống Phước Q1.

11. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn T2 trình bày:

bà N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không chấp hành và không có mặt để tham gia tố tụng theo triệu tập của Tòa án. ông Nguyễn Văn T2 quá trình thụ lý giải quyết vụ án đã sang định cư ở Hoa Kỳ. Tòa án nhiều lần yêu cầu ông C cung cấp địa chỉ của ông T2 để triệu tập tham gia tố tụng và tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông C chậm trễ, không thực hiện nghĩa vụ của mình, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2023/HC-ST ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 157; khoản 1, khoản 2 Điều 158; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 Luật Tố tụng hành chính. Khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai 2003. Điều 100; Điều 101; khoản 3 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013. Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 003195 ngày 07/7/2008 do Uỷ ban nhân dân huyện (nay là thị xã) H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho bà Lê Thị G quyền sử dụng đất diện tích 1.328m^2 thửa đất số 12/1, tờ bản đồ số 02, toạ lạc tại tổ dân phố A, xã H, thị xã H (nay là phường H, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 381090 ngày 10/8/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn Q quyền sử dụng đất diện tích 1.135,6m^2 thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20, toạ lạc tại tổ dân phố A, xã H, thị xã H (nay là phường H, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 890607 ngày 29/7/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Lê Viết T4, bà Võ Thị B và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 890608 ngày 29/7/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Lê Viết Đ, bà Lê Thị Kim T3 quyền sử dụng đất diện tích 400,1m^2 thửa đất số 134, tờ bản đồ số 20, toạ lạc tại tổ dân phố A, xã H, thị xã H (nay là phường H, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 890609 ngày 29/7/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn Q quyền sử dụng đất diện tích 168,5m^2 thửa đất số 135, tờ bản đồ số 20, toạ lạc tại tổ dân phố A, xã H, thị xã H (nay là phường H, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 890610 ngày 29/7/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn Q quyền sử dụng đất diện tích 567m^2 thửa đất số 136, tờ bản đồ số 20, toạ lạc tại tổ dân phố A, xã H, thị xã H (nay là phường H, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế.

Những người thuộc diện thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn P1 và bà Lê Thị G có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các ngày 08, 13 tháng 3 năm 2023 ông Lê Viết Đ và bà Lê Thị Kim T3; ông Lê Viết T4 và bà Võ Thị B; Tống Phước Q1 và bà Hoàng Thị H3; ông Nguyễn Văn Q kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2023/HC- ST ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

ông Nguyễn Văn C trình bày giữ nguyên đơn khởi kiện. ông Nguyễn Văn Q; ông Lê Viết Đ; ông Lê Viết T4 và bà Võ Thị B; ông Tống Phước Q1;người đại diện theo uỷ quyền của ông Đ, bà B trình bày giữ nguyên đơn kháng cáo.

ông Nguyễn Văn Q tranh tụng: đề nghị HĐXX xem xét lại toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

ông Lê Trung T5 tranh tụng: đề nghị HĐXX xem xét lại vụ án theo hướng bác đơn khởi kiện. ông Đ, bà B thống nhất với lời trình bày của ông T5.

Luật sư Võ Thị Tuệ M tranh tụng: ông Q được tặng quyền sử dụng đất và sau đó chuyển nhượng lại là phù hợp, đúng pháp luật. Người nhận chuyển nhượng đã đăng ký và được cấp GCNQSDĐ đúng pháp luật. Đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện. bà B, bà T3 thống nhất quan điểm của Luật sư Võ Thị Tuệ M.

ông Tống Phước Q1, ông Lê Viết T4 không tranh tụng.

ông Lê Hồng S tranh tụng: Người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Q là không ngay tình, vì đang có tranh chấp. Cụ thể là Sở T đã họp giải quyết vấn đề tranh chấp này, nhưng lại cấp GCNQSDĐ. Do đó không ngay tình. Đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm. ông Nguyễn Văn C thống nhất với quan điểm của ông Lê Hồng S.

ông Nguyễn Viết H không tranh tụng.

ông Nguyễn Văn T tranh tụng: đề nghị bác đơn khởi kiện.

ông Nguyễn Văn H1 và Luật sư Nguyễn Thị S1 tranh tụng: đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q; ông Lê Viết Đ và bà Lê Thị Kim T3; ông Lê Viết T4 và bà Võ Thị B; ông Tống Phước Q1 và bà Hoàng Thị H3 là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q; ông Lê Viết Đ và bà Lê Thị Kim T3; ông Lê Viết T4 và bà Võ Thị B; ông Tống Phước Q1 và bà Hoàng Thị H3. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Các ngày 08, 13 tháng 3 năm 2023 ông Lê Viết Đ và bà Lê Thị Kim T3; ông Lê Viết T4 và bà Võ Thị B; ông Tống Phước Q1 và bà Hoàng Thị H3; ông Nguyễn Văn Q kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2023/HC-ST ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, kháng cáo nêu trên là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 26/8/2021 ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế hủy các GCNQSDĐ số AE 003195 ngày 07/7/2008 do UBND thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho bà Lê Thị G; số CL 381090 ngày 10/8/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn Q; số CY 890609 và số CY 890610 ngày 29/7/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn Q; số CY 890607 ngày 29/7/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Lê Viết T4, bà Võ Thị B và số CY 890608 ngày 29/7/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Lê Viết Đ, bà Lê Thị Kim T3. Đối với GCNQSDĐ số AE 003195 do UBND thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho bà Lê Thị G vào ngày 07/7/2008, ông C xác nhận biết bà G được cấp vào năm 2019 nhưng

đến ngày 26/8/2021 ông C mới khởi kiện. Tuy nhiên, trước đó ông C, ông T2 đã khiếu nại và được Chủ tịch UBND thị xã H và Chánh thanh tra thị xã giải quyết đơn khiếu nại. Đồng thời, để giải quyết đơn khởi kiện của ông C đối với các GCNQSDĐ nêu trên thì đồng thời phải xem xét đối với GCNQSDĐ số AE 003195 do UBND thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho bà Lê Thị G vào ngày 07/7/2008. Như vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và trong thời hiệu khởi kiện theo Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q; ông Lê Viết Đ và bà Lê Thị Kim T3; ông Lê Viết T4 và bà Võ Thị B; ông Tống Phước Q1 và bà Hoàng Thị H3:

[3.1] Diện tích 1.328m^2 tại thửa đất số 12/1, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại thôn A, xã H, thị xã H (nay là phường H), tỉnh Thừa Thiên Huế là của cụ Nguyễn Văn P1 và cụ Lê Thị G tạo lập. cụ P1 chết không để lại di chúc. cụ Lê Thị G kê khai xin cấp GCNQSDĐ và được UBND thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp GCNQSDĐ số AE 003195 đối với thửa đất số 12/1, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.328m^2 cho cụ Lê Thị G vào ngày 07/7/2008 khi không được sự đồng ý của những người thuộc hàng thừa kế của cụ P1 là không đúng pháp luật và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người này. Hơn nữa, GCNQSDĐ số AE 003195 cấp cho cụ Lê Thị G đã công nhận 400m^2 đất ở tại nông thôn (ONT) là không đúng quy định của pháp luật, không đúng quy định về hạn mức giao đất ở, công nhận đất ở đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao, hồ cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

[3.2] Sau khi được cấp GCNQSDĐ, cụ Lê Thị G tặng cho ông Nguyễn Văn Q toàn bộ diện tích 1.328m^2 tại thửa đất số 12/1, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế và được Văn phòng C1 chứng thực ngày 07/8/2019. Ngày 10/8/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 381090 cho ông Nguyễn Văn Q và được điều chỉnh là thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.135,6m^2. Việc tặng cho này không được sự đồng ý của hàng thừa kế của cụ P1.

[3.3] Sau đó, ông Q tách thửa đất số 34 thành 03 thửa đất số 134, 135, 136 và chuyển nhượng cho ông Lê Viết T4, bà Võ Thị B; ông Lê Viết Đ, bà Lê Thị Kim T3; ông Tống Phước Q1, bà Hoàng Thị H3. Trong khi đó, tại thời điểm này ông T2 vẫn đang tiếp tục tranh chấp, khiếu nại về việc cấp GCNQSDĐ cho cụ G là không đúng pháp luật; khiếu nại về việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H thực hiện tách thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20 khi đang có tranh chấp và yêu cầu Sở T dừng việc giao dịch mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20 giữa ông Q với ông bà Lê Viết Đ – Lê Thị Kim T3 và ông bà Lê Viết T4 – Võ Thị B. Còn ông C thì khởi kiện vụ án tại Toà án. Hơn nữa, ông Đ, bà T3; ông T4, bà B là những người sinh sống cùng địa phương với ông Q và là nơi thửa đất đang có tranh chấp giữa những thành viên trong gia đình ông Q với nhau đã nhiều năm. Thông báo Kết luận thẩm tra của Chủ tịch UBND thị xã H số 2940/TB-UBND ngày 07/9/2020 và Kết luận Thanh tra thị xã H số 195/KL-TT ngày 04/9/2020 đã xác định: GCNQSDĐ được UBND thị xã H cấp ngày 07/7/2008

cho cụ Lê Thị G là không bảo đảm quy định pháp luật, do không lập thủ tục phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Văn P1 và công nhận diện tích đất ở là không đúng. Tại phiên toà, các đương sự đều thừa nhận diện tích đất mà ông Lê Viết T4, bà Võ Thị B; ông Lê Viết Đ, bà Lê Thị Kim T3; ông Tống Phước Q1, bà Hoàng Thị H3 nhận chuyển nhượng của ông Q hiện nay các ông bà chưa sử dụng mà vẫn là đất trống.

[3.4] Toà án cấp sơ thẩm nhận định giao dịch Hợp đồng tặng cho giữa cụ Lê Thị G tặng với ông Nguyễn Văn Q và giao dịch Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Nguyễn Văn Q với ông Lê Viết T4, bà Võ Thị B; ông Lê Viết Đ, bà Lê Thị Kim T3; ông Tống Phước Q1, bà Hoàng Thị H3 không ngay tình là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và nội dung đã được phân tích tại mục [1], [2] và [3] nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng: kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q; ông Lê Viết Đ, bà Lê Thị Kim T3; ông Lê Viết T4, bà Võ Thị B; ông Tống Phước Q1, bà Hoàng Thị H3 là không có căn cứ chấp nhận. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Văn Q; ông Lê Viết Đ, bà Lê Thị Kim T3; ông Lê Viết T4, bà Võ Thị B; ông Tống Phước Q1, bà Hoàng Thị H3 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q; ông Lê Viết Đ, bà Lê Thị Kim T3; ông Lê Viết T4, bà Võ Thị B; ông Tống Phước Q1, bà Hoàng Thị H3. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính. Khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai 2003. Điều 100; Điều 101; khoản 3 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013. Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 003195 ngày 07/7/2008 do Uỷ ban nhân dân huyện (nay là thị xã) H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho bà Lê Thị G quyền sử dụng đất diện tích 1.328m^2 thửa đất số 12/1, tờ bản đồ số 02, toạ lạc tại tổ dân phố A, xã H, thị xã H (nay là phường H, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 381090 ngày 10/8/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn Q quyền sử dụng đất

diện tích 1.135,6m^2 thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20, toạ lạc tại tổ dân phố A, xã H, thị xã H (nay là phường H, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 890607 ngày 29/7/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Lê Viết T4, bà Võ Thị B và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 890608 ngày 29/7/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Lê Viết Đ, bà Lê Thị Kim T3 quyền sử dụng đất diện tích 400,1m^2 thửa đất số 134, tờ bản đồ số 20, toạ lạc tại tổ dân phố A, xã H, thị xã H (nay là phường H, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 890609 ngày 29/7/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn Q quyền sử dụng đất diện tích 168,5m^2 thửa đất số 135, tờ bản đồ số 20, toạ lạc tại tổ dân phố A, xã H, thị xã H (nay là phường H, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 890610 ngày 29/7/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn Q quyền sử dụng đất diện tích 567m^2 thửa đất số 136, tờ bản đồ số 20, toạ lạc tại tổ dân phố A, xã H, thị xã H (nay là phường H, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế.

Những người thuộc diện thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Văn P1 và cụ Lê Thị G có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000đ; ông Lê Viết Đ và bà Lê Thị Kim T3 phải chịu 300.000đ; ông Lê Viết T4 và bà Võ Thị B phải chịu 300.000đ; ông Tống Phước Q1 và bà Hoàng Thị H3 phải chịu 300.000đ. Được trừ vào số tiền các ông bà đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000311; số 0000312; số 0000313; số 0000314 cùng ngày 29/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký) (Đã ký)

Trương Công Thi **Phạm Ngọc Thái** **Trần Quốc Cường**